

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó Giáo sư
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)
Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒
Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Công nghệ sinh học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THÙY DƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 13/05/1978; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 4 Nguyễn Trung Trực, Ba Đình, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 708, A28, Viện Nghiên cứu hệ gen, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0943839888;

E-mail: tdnguyen@igr.ac.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2001 - 08/2012: Nghiên cứu viên, Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 09/2012 - 12/2013: Phó trưởng phòng Hệ gen học người, Viện Nghiên cứu hệ gen, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Từ 01/2014 - nay: Trưởng phòng Hệ gen học người, Viện Nghiên cứu hệ gen, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nghiên cứu hệ gen, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 37918013

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:

- Đại học Thủy Lợi
- Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội
- Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- Học viện Khoa học và Công nghệ

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 06 năm 2001; số văn bằng: 218377; ngành: Công nghệ Sinh học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 06 năm 2008; ngành: Sinh học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Ernst-Moritz-Arndt Greifswald, CHLB Đức
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành: chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu xác định đột biến/đa hình liên quan tới một số bệnh di truyền ở người Việt Nam;
- Nghiên cứu di truyền quần thể người và nhân chủng học tiến hóa;

- Nghiên cứu đa dạng di truyền các vi sinh vật, thực vật và động vật.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang hướng dẫn 4 NCS (02 NCS hướng dẫn chính + 02 NCS hướng dẫn phụ);
- Đã hướng dẫn chính 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 06 đề tài, trong đó 01 đề tài cấp nhà nước thuộc Quỹ Khoa học Công nghệ NAFOSTED, 01 đề tài cấp Bộ thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và 4 đề tài cấp cơ sở thuộc Viện Nghiên cứu hệ gen;
- Đã công bố 28 công bố quốc tế (24 công trình thuộc nhóm SCIE, 03 công trình thuộc nhóm Scopus và 01 bài ISSN chuẩn);
- Đã được cấp 01 giải pháp hữu ích và 01 sáng kiến;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đáp ứng các tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư.

- Đã tham gia giảng dạy trên 6 năm tại các cơ sở đào tạo đại học;
- Đang hướng dẫn 04 NCS (2 chính + 2 phụ) làm luận án tiến sĩ;
- Đã hướng dẫn chính 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn;
- Đã chủ nhiệm 06 đề tài (01 nhà nước thuộc Quỹ NAFOSTED, 01 thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và 04 nhiệm vụ cấp cơ sở);
- Là tác giả/đồng tác giả của 28 công bố quốc tế (24 công trình thuộc nhóm SCIE, 03 công trình thuộc nhóm Scopus và 01 bài ISSN chuẩn). Là tác giả chính của 07 công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín.
- Đạt trên 21,58 điểm công trình khoa học, trong 3 năm cuối đạt trên 5 điểm (ước tính)

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 6 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2 /BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017		2 (44,4 giờ)	0	0			0/44,4/135
2	2017-2018	1 (44,4 giờ)	1 (22,2 giờ)	0	0		NCS: 30 x 2 = (60 giờ)	60/126,6/135
3	2018-2019	0	0	2 (140 giờ)	0	(107,9 giờ)		107,9/247,9/135
03 năm học cuối								
4	2019-2020	0	1 (16,7 giờ)	0	0	(176,5 giờ)	NCS: 30 x 2 = (60 giờ)	236,5/253,2/135
5	2020-2021	0	1 (16,7 giờ)	0	2 (33,2 giờ)	(205,6 giờ)		205,6/255,5/135
6	2021-2022	1 (33,3 giờ)	1 (16,7 giờ)	0	0	(80,5 giờ)	NCS: 30 x 2 = (60 giờ)	140,5/190,5/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:.....; Từ năm đến năm
- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: CHLB Đức năm 2008

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội; Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

d) Đối tượng ☐ khác; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH /CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Doãn Tình		HVCH	x		2018-2019	Học viện Khoa học và Công nghệ	26/03/2021
2	Nguyễn Bảo Trang		HVCH	x		2018-2019	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	22/05/2020
3	Dương Thị Thu Hà		HVCH	x		2013-2014	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	18/04/2014

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [...]

Lưu ý: 1) Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)); 2) Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Ứng dụng công nghệ phân tử để nghiên cứu các thay đổi gen ở người và động vật tại các vùng sinh thái bị ảnh hưởng trực tiếp của chất độc màu da cam	TVC	Đề tài Bộ khoa học và Công nghệ	2005	Nghiệm thu: 12/2005
2	Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử trong nghiên cứu bệnh vàng lá (Greening) ở cam quýt (đề tài chương trình nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên,		Đề tài chương trình nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên	2004-2005	Nghiệm thu 2005
3	Nghiên cứu tác nhân gây bệnh đột chổi (Witches' broom) ở cây nhãn bằng kỹ thuật sinh học phân tử		Đề tài chương trình nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên	2007-2008	Nghiệm thu 2008
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
4	Sàng lọc, phát hiện đa hình/ đột biến trên gen <i>COL7A1</i> ở bệnh nhân và gia đình người bệnh mắc Cockayne	TVC	Đề tài cấp Viện hàn Lâm Khoa học Việt Nam	2020	Nghiệm thu: 11/2020 Xếp loại: Đạt
5	Nghiên cứu công nghệ sản xuất Prodigiosin từ vi khuẩn tái tổ hợp ứng dụng trong công nghiệp thực phẩm	TVC	ĐT.07.17/CN SHCB cấp quốc gia; Bộ Quốc phòng	2017-2019	Nghiệm thu: 06/01/2020 Xếp loại: Đạt
6	Phân lập thiết kế gen chịu hạn phục vụ công tác tạo giống ngô biến đổi gen	TVC	Chương trình CNSHNN-TS do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2015-2018	Nghiệm thu: 06/01/2020 Xếp loại: Đạt
7	Giải trình tự toàn bộ hệ gen biểu hiện (exome) ở một số con/cháu của các nạn nhân chất độc màu da cam/dioxin bị thiếu năng trí tuệ	TVC	Đề tài Quỹ NAFOSTED	2017-2019	Nghiệm thu: 2019 Xếp loại: Đạt
8	Nghiên cứu đa hình nucleotide đơn (SNP) của một số gen liên quan đến bệnh gút ở người Việt Nam	CN	Đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2017-2018	Nghiệm thu: 06/2019 Xếp loại: xuất sắc

9	Giải trình tự và xây dựng hoàn chỉnh hệ gen người Việt Nam đầu tiên làm “trình tự tham chiếu” và bước đầu phân tích nhân chủng học tiến hoá người Việt Nam	TK	ĐTĐL.CN.05/15 cấp nhà nước; Bộ Khoa học và Công nghệ	2015-2018	Nghiệm thu: 12/2019 Xếp loại: đạt
10	Xác định đột biến gen liên quan đến bệnh không răng ở một số gia đình Việt Nam	CN	Đề tài cấp cơ sở	2018	Nghiệm thu: 2018 Xếp loại: đạt
11	Thu thập DNA của một số gia đình có con mắc bệnh di truyền	CN	Đề tài cấp cơ sở	2016	Nghiệm thu: 2016 Xếp loại: đạt
12	Nghiên cứu di truyền phân tử bệnh nhân teo cơ (EDMD), già trước tuổi (HGPS) và không răng (HED)	CN	106.06-2010.62; Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	2010-2014	Nghiệm thu: 2015 Xếp loại: đạt
13	Nghiên cứu xác định các đột biến gen nhằm phục vụ chẩn đoán bệnh khiếm thính di truyền bẩm sinh ở trẻ em	TK	Đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam	2013-2014	Nghiệm thu: 2015 Xếp loại: đạt
14	Thiết lập ngân hàng DNA của các dân tộc người Việt Nam	CN	Đề tài cấp cơ sở	2014	Nghiệm thu: 2014 Xếp loại: đạt
15	Phân tích di truyền bệnh cận thị hoặc mù màu của người Việt Nam	CN	Đề tài cấp cơ sở	2013	Nghiệm thu: /2013 Xếp loại: đạt
16	Nghiên cứu đặc điểm đa hình nucleotide đơn (SNPs) của hệ gen đơn bội (DNA ty thể và nhiễm sắc thể Y) ở người Việt Nam	TVC	Đề tài cấp Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2011-2012	Nghiệm thu: /2013 Xếp loại: đạt
17	Nghiên cứu đặc điểm đa hình nucleotide đơn (SNPs) của hệ gen đơn bội (DNA ty thể và nhiễm sắc thể Y) ở người Việt Nam	TVC	Đề tài cấp Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2009-2010	Nghiệm thu: /2013 Xếp loại: đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TVC: Thành viên chính.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là CB/TGD / TGLH	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số trích dẫn	Tập, số, trang	Năm
Trước khi công nhận TS								
1	Phân lập và xác định trình tự đoạn gen mã hóa tiểu đơn vị β của RNA polymerase ở vi khuẩn <i>Liberibacter</i>	5		Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			3(3):333-338	2005
2	Thiết kế vector thể hệ mới mang gen kháng côn trùng <i>cryIA(c)</i> để chuyển vào cây trồng	6		Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			2(1):85-92	2004
3	Tách dòng và xác định trình tự gen 18S rRNA của cây Bình vôi	10		Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			1(2):203-209	2003
4	Biểu hiện gen mã hóa protein bất hoạt ribosome của cây mướp đắng ở vi khuẩn <i>Escherichia coli</i>	8		Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			1(4):451-460	2003
5	Trình tự đoạn promoter của gen HLA-B ở một số cá thể người Việt Nam	9		Báo cáo khoa học Hội nghị Công nghệ Sinh học toàn quốc, Hà Nội, 2003			1121-1124	2003
6	Phân tích trình tự đoạn gen mã hoá 18S rRNA của một số loài cá kinh tế Biển Đông	9		Hội nghị toàn quốc lần thứ hai nghiên cứu cơ bản trong sinh học, nông nghiệp, y học			892-895	2003
Sau khi công nhận TS								
Tạp chí quốc tế								
7	LmTag: functional-enrichment and imputation-aware tag SNP selection for population-specific genotyping arrays	4		Briefing in Bioinformatics	ISI, (IF 9.1)		1-12	2022
8	Cockayne syndrome without UV-sensitive in Vietnamese siblings with novel ERCC8 variants	12	TGD	Aging/ 1945-4589	ISI, (IF 5.682 Q1)			2022
9	Whole-exome sequencing revealed a novel ERCC6 variant in a Vietnamese patient with Cockayne syndrome	7	TGD	Human Genome Variation/ 2054-345X	ISI, (IF 1.89 Q3)		9(1):21	2022

10	A rare homozygous missense mutation of COL7A1 in a Vietnamese family	7	TGD	Human Genome Variation/ 2054-345X	ISI, (IF 1.89 Q3)		9(1):13	2022
11	Analysis of Periodontal Conditions in the Provinces of Vietnam: Results From the National Dental Survey	5		Asia Pacific Journal of Public Health /1941-2479	ISI, (IF 1.399 Q3)		34(1):87-95	2022
12	Effect of Soluble Adenylyl Cyclase (ADCY10) Inhibitors on the LH-Stimulated cAMP Synthesis in Mltc-1 Leydig Cell Line	6		International Journal of Molecular Sciences/1422-0067	ISI, (IF 5.924 Q1)		22(9):4641	2021
13	Stimulation of dendritic cell functional maturation by capsid protein from chikungunya virus	7		Iranian Journal of Basic Medical Science/2008-3874	ISI, (IF 2.699 Q3)		23(10):1268-1274	2020
14	Rare and novel variants of PRKN and PINK1 genes in Vietnamese patients with early-onset Parkinson's Disease	17		Molecular Genetics and Genomic Medicine /2324-9269	ISI, (IF 1.995 Q3)	1	8:e1463	2020
15	Extensive ethnolinguistic diversity in Vietnam reflects multiple sources of genetic diversity	7		Molecular Biology and Evolution/ 0737-4038	ISI, (IF 16.2 Q1)	35	37(9):2503-2519	2020
16	Identification of novel missense mutations associated with non-syndromic syndactyly in two vietnamese trios by whole exome sequencing	8		Clinica Chimica Acta/0009-8981	ISI, (IF 2.615 Q2)		506:16-21	2020
17	The paternal and maternal genetic history of Vietnamese populations	9		European Journal of Human Genetics /1018-4813	ISI, (IF 3.657 Q1)	8	28(5):636-645	2020
18	CYP2C19 genetic polymorphism in the Vietnamese population	9		Annals of Human Biology/ 0301-4460	ISI, (IF 1.535 Q2)	5	46(6):491-497	2019
19	Polymorphisms of ABCG2 and SLC22A12 Genes Associated with Gout Risk in Vietnamese Population	9	TGD TGLH	Medicina (Kaunas, Lithuania) /1648-9144	ISI, (IF 2.43 Q2)		55(1):8	2019
20	Whole genome sequencing of a Vietnamese family from a dioxin contamination hotspot reveals novel	15		International Journal of Environmental	ISI, (IF 2.849 Q2)	3	15(2):2629	2018

	variants in the son with undiagnosed intellectual disability			Research and Public Health /1661-7827				
21	Clinical, radiographic, and genetic characteristics of hypohidrotic ectodermal dysplasia: A cross-sectional study	10	TGD	Clinical Genetics/ 0009-9163	ISI, (IF 4.438 Q2)		94, pp.484-486	2018
22	Complete human mtDNA genome sequences from Vietnam and the phylogeography of Mainland Southeast Asia	16	TGD	Scientific Reports/2045-2322	ISI, (IF 3.998 Q1)	16	8:811651	2018
23	Polymorphic analysis of CYP2C9 gene in Vietnamese population	9		Molecular Biology Reports/ 0301-4851	ISI, (IF 1.402 Q2)	3	45(5):893-900	2018
24	Whole genome sequencing and mutation rate analysis of Vietnamese trios with paternal dioxin exposure	15		Human Mutation/1059-7794	ISI, (IF 5.3 Q1)	9	39(10):1384 - 1392	2018
25	Regulation of dendritic cell function by insulin/IGF-1/PI3K/Akt signaling through klotho expression	6		Journal of Receptors and Signal Transduction 1079-9893	ISI, (IF 2.092 Q4)	28	37(3):297-303	2017
26	Specific localization of nesprin-1- α 2, the short isoform of nesprin-1 with a KASH domain, in developing, fetal and regenerating muscle, using a new monoclonal antibody	8		BMC Molecular and Cell Biology/ 2661-8850	ISI, (IF 1.76 Q3)	28	17(1):26	2016
27	Mutational analysis of <i>GJB2</i> , <i>GJB6</i> and 12S rRNA genes in Vietnamese non-syndromic deaf children	11	TGD	Asian Journal of Biomedical and Pharmaceutical Sciences / 2249-622X	Scopus, (IF 0.96)	3	5(46):1-6	2015
28	Nesprins: Tissue-Specific Expression of Epsilon and Other Short Isoforms	7	TGD	PLoS ONE/ 1932-6203	ISI, (IF 3.24 Q1)	71	9(4):e94380	2014
29	New <i>ZMPSTE24</i> (FACE1) mutations in patients affected with restrictive dermopathy or related progeroid syndromes and mutation update	20		European Journal of Human Genetics/ 1018-4813	ISI, (IF 4.246 Q1)	51	22(8):1002-1011	2014

30	The LINC complex and human disease	3		Biochemical Society Transactions / 0300-5127	ISI, (IF 5.407 Q1)	95	39(6):1693-1697	2011
31	X-linked Emery-Dreifuss muscular dystrophy with lamin A deficiency and IBM inclusions	5		Clinical Neuropathology /0722-5091	ISI, (IF 1.368 Q3)		29(2):78-83	2010
32	Identification of mutational hot spots in <i>LMNA</i> encoding lamin A/C in patients with familial dilated cardiomyopathy	16		Basic Research in Cardiology/ 0300-8428	ISI, (IF 17.165 Q1)	89	104(1):90-99	2009
33	Restrictive dermopathy: A rare laminopathy	7		Archives of Gynecology and Obstetrics / 1432-0711	ISI, (IF 2.344 Q2)	30	278(3) : 201-208	2008
34	Extreme phenotypic diversity and nonpenetrance in families with the <i>LMNA</i> gene mutation R644C	16		American Journal of Medical Genetics Part A/1552-4833	ISI, (IF 2.802 Q2)	129	146A(12):1530-1542	2008
Tạp chí KH trong nước								
35	The association of <i>TEX15</i> Haplotype with male infertility in Vietnamese individuals	3	TGLH	Tạp chí Công nghệ sinh học /1811-4989			20: 1-6	2022
36	Prenatal genetic diagnosis of retinoblastoma in two Vietnamese families	5		Tạp chí Công nghệ sinh học /1811-4989			20: 1-6	2022
37	Khảo sát mối liên quan của đa hình <i>DNAH1</i> rs12163565 với bệnh vô sinh nam ở người Việt Nam	3	TGD TGLH	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/ 1859-4794			64(6):19-23	2022
38	Association of <i>CFAP65</i> rs56411706 with male infertility in a Vietnamese population	3	TGD TGLH	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/ 1859-4794				2022
39	Complete human mtDNA genome sequences revealed haplotypic features of the Hmong-Mien language family in vietnam	3	TGLH	Tạp chí Sinh học/ 2615-9023				2022
40	Association of <i>TEX15</i> rs142485241 with male infertility in 429 vietnamese individuals	3	TGD TGLH	Tạp chí Sinh học/2615-9023				2022

41	A homozygous variant in <i>G6PC</i> in a Vietnamese patient with glycogen storage disease type IA	3	TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học /1811-4989			20(1):1-7	2022
42	The association of <i>CFAP65</i> with male infertility in Vietnam individuals	3	TGD TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học /1811-4989			20(1):9-14	2022
43	Nghiên cứu mối liên quan giữa <i>SOX5</i> rs10842262 với vô sinh nam trên 325 cá thể người việt nam	3	TGLH	Tạp chí Khoa học và Công nghệ đại học Thái Nguyên /2615-9562			227(05):52-57	2022
44	Identification of a mutation in a Vietnamese family with Emery-Dreifuss Muscular Dystrophy using whole exome sequencing	7	TGD TGLH	Tạp chí Sinh học/2615-9023			44(1):33-41	2022
45	Correlation between <i>AK7</i> rs2275554 and male infertility in 421 Vietnamese individuals	3	TGLH	Tạp chí Sinh học/2615-9023			44(1):107-114	2022
46	Study on association between <i>SLC2A9</i> rs3733591 and Gout susceptibility in 481 Vietnamese individuals	3	TGLH	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam /2615-9937			64(1):39-42	2022
47	Xác định đột biến gen <i>EDA</i> ở bệnh nhân Việt Nam mắc loạn sản ngoại bì thiếu tuyến mồ hôi	3	TGD TGLH	Tạp chí Khoa học và Công nghệ đại học Thái Nguyên /2615-9562			227(01):146-151	2022
48	Characterizing and designing promoter of gene <i>ZmDREB2.7</i> into plant expression vector	3		Tạp chí Sinh học/2615-9023			44(1):83-92	2022
49	Đặc điểm di truyền ở bệnh nhân Covid-19: Tình hình nghiên cứu, triển vọng và thách thức trong điều trị Covid-19	8		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/1859-4794			64(5).40-50	2022
50	Nghiên cứu vai trò của đa hình <i>TDRD9</i> rs2273841 đối với bệnh vô sinh nam ở người việt nam	3	TGD TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học /1811-4989			19(4):619-624	2021
51	Association study of <i>NR5A1</i> rs1110061 with infertile male in 401 vietnamese individuals	4	TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học /1811-4989			19(4):625-631	2021
52	Whole exome sequencing revealed a mutation in <i>COL6A1</i> associated with	6	TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học /1811-4989			19(2):1-8	2021

	ullrich congenital muscular dystrophy							
53	Association of <i>FSIP2</i> rs4666689 and <i>PON2</i> rs7493 with male infertility in vietnamese population	5	TGLH	Tạp chí Sinh học/2615-9023			43(3):77-85	2021
54	Cloning and expression of <i>PigI</i> in <i>Escherichia coli</i> BL21 (DE3)	3	TGLH	Tạp chí Sinh học/2615-9023			43(3):59-67	2021
55	Study on the association of <i>SLC2A9</i> rs16890979 with gout in 410 Vietnamese individuals	5	TGLH	Tạp chí Sinh học/2615-9023			43(1):129-136	2021
56	Phát hiện đột biến mất đoạn lớn trên gen <i>EDA</i> gây loạn sản ngoại bì ở gia đình bệnh nhân Việt Nam nhờ giải trình tự hệ gen mã hoá	3	TGLH	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/1859-4794			63(12):1-4	2021
57	Association of <i>AHRR</i> rs2292596 with male infertility in 422 Vietnamese individuals	6	TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học/1811-4989			18(4):617-624	2020
58	Study on genetic variations of the D-loop region in three Vietnamese ethnic groups Kinh, Lolo and Lahu	4	TGD TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học/1811-4989			18(2):231-238	2020
59	Detection of a Novel Mutation on the Gene <i>ESCO2</i> in a Pediatric Patient with Syndactyly	4		Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/2615-9317			36(3):10-16	2020
60	Khảo sát mối liên quan của <i>SLC2A9</i> rs12510549 với nồng độ uric acid và bệnh gút ở người Việt Nam	4	TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học/1811-4989			18(1):49-57	2020
61	Vai trò của các yếu tố nguy cơ đối với bệnh Gout	3		Tạp chí Y học Việt Nam/1859-1868			490(1):252-256	2020
62	Khảo sát sự đa dạng di truyền vùng D-loop hệ gen ty thể ở ba nhóm tộc người: Hà Nhì, Phù Lá, Si La	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/1859-4794			61(11):7-11	2019
63	Isolation and characterization of a c-repeat binding factor gene from Tevang-1 maize cultivar	4		Tạp chí Sinh học/2615-9023			41(3):85-100	2019

64	Đánh giá hoạt tính kháng nấm <i>Candida albicans</i> và nấm <i>Cryptococcus neoformans</i> của hợp chất Prodigiosin	6		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng/0868-3735			1(109):90-95	2019
65	Expression and purification of thioredoxin-his6-ZmDREB2.7 fusion protein in <i>Escherichia coli</i> for raising antibodies	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/2615-9937			61(1):23-29	2019
66	Complete mitochondrial genome of Dong Tao chicken breed (<i>Gallus gallus domesticus</i>) of Vietnam	8		Tạp chí Công nghệ Sinh học /1811-4989			16(4):589-593	2018
67	Cloning and expression of <i>pigC</i> gene in <i>Escherichia coli</i>	6		Tạp chí Công nghệ Sinh học/1811-4989			16(4):757-765	2018
68	Nghiên cứu đánh giá hoạt tính ức chế dòng tế bào ung thư H460 và HEP2 của Prodigiosin in vitro	7		Tạp chí Y học Việt Nam /1859-1868			473(1,2):107-112	2018
69	Khảo sát mối liên quan của <i>SLC17A1</i> rs1165196 với bệnh gút ở người Việt Nam	5	TGD TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học /1811-4989			16(3):407-414	2018
70	Đa hình vùng D-loop hệ gen ty thể của các cá thể dân tộc Kinh và Mảng cùng trong nhóm ngữ hệ Nam Á	5	TGLH	Tạp chí Công nghệ Sinh học /1811-4989			16(2):231-240	2018
71	Study on application of multiplex ligation-dependent probe amplification (MLPA) assay in molecular diagnosis of retinoblastoma	8		Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			15(4):625-631	2017
72	Sự đa dạng di truyền vùng HV2 hệ gen ty thể của một số nhóm người Việt	8		Tạp chí Sinh học/2615-9023		3	38(2):243-249	2016
73	Xác định đột biến gen <i>GJB2</i> ở một gia đình bệnh nhân có hai con mắc bệnh khiếm thính	8	TGD	Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			12(4):601-605	2014
74	Phát hiện đột biến gen <i>RBI</i> ở trẻ em ung thư nguyên bào vồng mạc	5		Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			12(1):23-29	2014
75	Sàng lọc đột biến gen gây bệnh già trước tuổi	7	TGD	Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			11(4):619-624	2013
76	Nuôi cấy tăng sinh và cảm ứng biệt hóa in vitro tế bào gốc trung mô màng dây rốn	6		Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			11(1):13-18	2013

	người thành tế bào tạo xương							
77	Thiết kế các vector biểu hiện mang cDNA mã hóa yếu tố đông máu người IX (F9)	3	TGD	Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			9(2):155-161	2011
78	Tách dòng và phân tích trình tự cDNA mã hóa yếu tố đông máu IX (h-F9) ở người	4	TGD	Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			8(4):1785-1792	2010
79	Sự phân bố các đa hình nucleotide đơn của nhóm đơn bội C trên nhiễm sắc thể Y ở người Việt Nam	3		Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			7(1):11-18	2009
80	Sự phân bố các đa hình nucleotide đơn của nhóm đơn bội O trên nhiễm sắc thể Y ở người Việt Nam	3		Tạp chí Công nghệ sinh học/1811-4989			7(3):285-294	2009
Kỷ yếu hội thảo quốc tế, quốc gia								
81	A comprehensive imputation-based evaluation of tag SNP selection strategies	5		2021-13th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE)			pp. 1-6	2021
82	Đánh giá hoạt tính kháng nấm <i>Candida Albicans</i> của hoạt chất prodigiosin tách chiết từ chủng <i>Serratia Marcescens</i>	7		Hội thảo khoa học công nghệ sinh học toàn quốc 2018			263-367	2018
83	Two novel epsilon isoforms of nesprin-2, a protein linked to Emery-Dreifuss muscular dystrophy	7		Neuromuscular Disorders, 19th International Congress of the World Muscle Society			G.P.147	2014
84	Sàng lọc đột biến gen bệnh cẳng da	3	TGD	Hội nghị khoa học Công nghệ sinh học toàn quốc 2013			43-46	2013

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 08/28 bài báo khoa học đăng trên tạp chí SCIE, Scopus và ISSN chuẩn, mà UV là tác giả chính (số TT 8, 9, 10, 19, 21, 22, 27, 28 trong danh sách trên).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Chủng vi khuẩn <i>Serratia</i> sp. HVQY mang gen mã hóa protein PigI tái tổ hợp	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ	6/3/2020	Đồng tác giả	9
2	Tạo chủng vi khuẩn <i>Serratia</i> sp. HVQY mang gen mã hóa protein PigI tái tổ hợp sinh tổng hợp prodigiosin	Cục Khoa học quân sự Bộ quốc phòng	24/12/2019	Đồng tác giả	9

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 1; số sáng kiến được cấp (ghi rõ số thứ tự): 2.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): đủ 6 năm thâm niên, thiếu giờ dạy của 2 năm đầu
- Giờ giảng dạy
 - Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2016-2017/70; 2017-2018/10
 - Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2016-2017/90.6; 2017-2018/8.4

Đề xuất tăng gấp đôi số điểm tổng CTKH thay thế tiêu chuẩn giờ giảng dạy bị thiếu.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:
 - Đã hướng dẫn chính 03 HVCH đã có QĐ cấp bằng ThS (UV chức danh PGS) ☐

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
 - Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐
Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:
 - Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐
 - Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:
 - Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)
- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Thùy Dương